



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 0254.3936.838

Fax: 02543.936.839

Email: environment@phumy3sip.com

Website: www.phumy3sip.com

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC
CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3
THÁNG 04 NĂM 2026**

Stt	Ngày	Giá trị trung bình pH	Giá trị trung bình Nhiệt độ (°C)	Giá trị trung bình TSS (mg/l)	Giá trị trung bình COD (mg/l)	Giá trị trung bình Amoni (mg/l)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu vào (m ³ /ngày)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu ra (m ³ /ngày)
1	01/04/2026	7,24	33,95	10,67	47,50	2,01	3.958	6.643
2	02/04/2026	6,90	30,44	18,07	54,10	1,73	3.932	6.680
3	03/04/2026	7,21	30,10	14,85	46,40	1,13	3.979	9.360
4	04/04/2026	7,13	33,88	7,43	42,90	1,19	3.731	7.565
5	05/04/2026	7,03	34,34	10,60	53,90	1,33	3.337	8.427
6	06/04/2026	7,11	34,68	13,60	40,00	0,97	3.885	9.620
7	07/04/2026	7,25	35,20	12,72	30,70	0,50	3.563	9.101
8	08/04/2026	7,15	35,13	13,55	30,30	0,51	3.667	7.654
9	09/04/2026	7,20	35,19	13,38	26,30	0,36	3.939	8.832
10	10/04/2026	7,07	35,48	12,19	28,50	0,23	3.547	9.192
11	11/04/2026	7,28	35,91	8,29	37,80	0,14	3.724	8.761
12	12/04/2026	7,30	35,71	12,06	37,80	0,24	2.839	10.351
13	13/04/2026	7,13	35,78	15,85	47,40	0,15	3.551	9.564
14	14/04/2026	7,21	35,65	15,54	54,00	0,18	3.890	9.753
15	15/04/2026	7,22	35,64	7,45	50,80	0,13	3.887	8.718
16	16/04/2026	7,40	35,36	11,50	50,50	0,21	4.100	9.908
17	17/04/2026	7,17	35,78	14,45	47,20	0,70	3.810	11.360
18	18/04/2026	7,28	35,96	8,41	37,10	0,91	3.575	10.068
19	19/04/2026	7,40	35,22	2,12	44,60	0,92	3.200	8.419
20	20/04/2026	7,26	34,65	8,26	41,80	0,89	3.795	9.534
21	21/04/2026	6,11	28,32	8,13	44,30	0,69	4.553	11.189
22	22/04/2026	7,20	33,91	12,24	43,20	0,46	4.398	10.760
23	23/04/2026	7,27	34,09	10,42	37,40	0,02	4.224	9.434
24	24/04/2026	7,06	33,58	12,97	43,00	0,05	4.482	6.078
25	25/04/2026	7,05	33,83	12,44	45,50	0,13	4.204	8.597
26	26/04/2026	6,96	31,66	20,28	46,10	0,34	3.160	4.669
27	27/04/2026	7,25	28,97	20,46	47,50	0,28	3.290	5.356
28	28/04/2026	7,17	33,83	21,78	47,60	0,53	4.092	5.971
29	29/04/2026	7,17	33,04	18,86	44,70	0,50	3.740	6.248
30	30/04/2026	7,36	31,83	13,57	58,90	0,55	3.116	5.900
Giá trị trung bình ngày		7,15	33,90 (°C)	12,74 (mg/l)	43,59 (mg/l)	0,60 (mg/l)	3.772 (m ³ /ngày)	8.457 (m ³ /ngày)
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K _q = K _r = 0,9. (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)		6 - 9	40 (°C)	40,5 (mg/l)	60,75 (mg/l)	4,05 (mg/l)	-	-

169